



(Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục)

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE CERTIFICATE
Tuần Từ ngày 18/12/2020 đến ngày 24/12/2020 / From date 18/12/2020 to date 24/12/2020

1	Công ty quản lý quỹ: Fund Management Company	Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI SSI Asset Management Company Limited
2	Ngân hàng giám sát: Supervising bank	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Join Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
3	Tên Quỹ: Fund name	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD SSIAM VNFIN LEAD ETF
4	Mã chứng khoán: Code	FUESSVFL FUESSVFL
5	Ngày lập báo cáo: Reporting Date	25/12/2020 25 Dec 2020

Đơn vị tính/Currency VND

STT No	CHỈ TIÊU CRITERIA	MÃ SỐ ITEM No	KY BAO CAO THIS PERIOD 24/12/2020	KY TRƯỚC LAST PERIOD 17/12/2020
A	Giá trị tài sản ròng/ Net asset value	2100		
A.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2101		
	Của quỹ/of fund	2102	1,038,354,239,943	917,453,632,319
	Của một lô chứng chỉ quỹ/per lot	2102.1	1,277,188,487	1,218,397,918
	Của một chứng chỉ quỹ/per certificate	2103	12,771.88	12,183.97
A.2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ/ Closing balance	2104		
	Của quỹ/of fund	2105	1,059,673,585,799	1,038,354,239,943
	Của một lô chứng chỉ quỹ/per lot	2105.1	1,303,411,544	1,277,188,487
	Của một chứng chỉ quỹ/per certificate	2106	13,034.11	12,771.88
A.3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ, trong đó Change of net asset value per certificate during the period, in which	2107		
	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của quỹ trong kỳ Change due to investment activities	2108	262.23	(330.46)
	Thay đổi Giá trị tài sản ròng của Quỹ liên quan tới nhà đầu tư trong kỳ Change of net asset value related to investors during the period	2109		918.37
	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ Change of Net Asset Value due to profit distribution to investors during the period	2109.1		
	Thay đổi GTTSR do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ Change of NAV due to subscription, redemption during the period	2109.2		918.37
A.4	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/ lowest Net asset value for 52 weeks	2110		
	Giá trị cao nhất/highest value (VND)	2111	1,095,036,399,753	1,038,354,239,943
	Giá trị thấp nhất/lowest value (VND)	2112	183,983,094,205	183,983,094,205
B	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ Market price (closing price of last session within the reporting day) of a certificate	2114		
B.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2115	12,840.00	12,320.00
B.2	Giá trị cuối kỳ/ Closing balance	2116	13,020.00	12,840.00
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market price from this period to last period	2117	180.00	520.00
B.4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ Variance between Market price and Net asset value of one Fund Certificate	2118		
	Chênh lệch tuyệt đối/ Absolute variance (VND)	2119	(14.11)	68.12
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+)) Relative variance (discount (-)/surplus (+))	2120	(0.11)%	0.53%
B.5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/lowest market value within the nearest 52 weeks	2121		
	Giá trị cao nhất/Highest value (VND)	2122	13,590.00	12,840.00
	Giá trị thấp nhất/Lowest value (VND)	2123	7,770.00	7,770.00

Đại diện có thẩm quyền của ngân hàng giám sát
Authorised Representative of Supervisory Bank



Tô Lợi Thanh

Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company



Bồ Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC